

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 1014/2024/DS-PT  
Ngày: 11/12/2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Dung

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Kim Thương

Bà Nguyễn Thị Lan Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Ngọc Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia  
phiên tòa:** Ông Đinh Duy Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ  
Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số  
904/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1307/2024/DS-ST ngày 09/7/2024 của Tòa  
án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6121/2024/QĐ-PT  
ngày 25/11/2024 giữa:

*Nguyên đơn:*

1. Ông **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1962. (Có mặt)

2. Bà **Phạm Thị Kim E**, sinh năm 1962.

Người đại diện ủy quyền của bà Kim E:

Ông **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1962. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số C đường số C, Khu phố H, phường L, Thành phố T,  
Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 005065 ngày 12/5/2023 lập tại Văn  
phòng C).

*Bị đơn:*

1. Bà **Huỳnh Thị Ánh N**, sinh năm 1969.

2. Ông **Nguyễn Lâm H**, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Căn hộ S L, Vinhomes C, số G đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn:

Ông **Nguyễn Phạm Thiên P**, sinh năm 1991. (Có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Số G đường Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 000813 ngày 06/7/2024 lập tại Văn phòng C1).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Huỳnh Thị Ánh N và ông Nguyễn Lâm H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2023, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Huỳnh Văn L, bà Phạm Thị Kim E trình bày:*

Do có quan hệ họ hàng nên ông Huỳnh Văn L, bà Phạm Thị Kim E đã tin tưởng và cho vợ chồng ông Nguyễn Lâm H, bà Huỳnh Thị Ánh N vay tiền. Cụ thể như sau:

- Ngày 09/01/2021, ông bà cho ông H, bà N vay 1.000.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 20/01/2021, lãi suất thỏa thuận. Ông H đã viết và ký giấy biên nhận cùng ngày.

- Ngày 20/01/2021, ông bà cho ông H, bà N vay 2.000.000.000 đồng, không ghi thời hạn thanh toán, lãi suất thỏa thuận. Ông H đã viết và ký giấy biên nhận cùng ngày.

Mặc dù giấy biên nhận chỉ ghi “*lãi suất thỏa thuận*” nhưng thực tế các bên có thỏa thuận miệng lãi suất 2,5%/tháng. Ngày 14/01/2021, ông H đã chuyển tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của bà E là 9.000.000 đồng. Ngày 29/01/2021 ông H đã chuyển tiền trả lãi là 52.500.000 đồng vào tài khoản của bà E để trả lãi cho khoản vay 1.000.000.000 đồng là 22.500.000 đồng và tiền lãi cho khoản nợ gốc 2.000.000.000 đồng trong ngày 29/01/2021 là 30.000.000 đồng. Nội dung trả lãi này được thể hiện trong tin nhắn trên phần mềm ứng dụng zalo giữa ông H và ông L.

Từ sau ngày 29/01/2021 đến nay, ông H, bà N không trả tiền cho ông bà nữa dù ông bà đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ gốc, lãi. Ngày 27/4/2022, ông L đã gửi cho ông H, bà N thông báo với nội dung yêu cầu ông H, bà N trả nợ gốc, lãi, hạn chót là ngày 04/5/2022. Ngày 22/5/2022, ông H, bà N đã gửi cho ông bà giấy cam kết với nội dung ông H, bà N cam kết trả nợ gốc, lãi của các khoản nợ nêu trên từ ngày 20/9/2022 đến ngày 30/12/2022. Tuy nhiên, ông bà không đồng ý với thời hạn thanh toán này và thực tế thì vợ chồng ông H, bà N cũng không thực hiện cam kết của mình.

Tại đơn khởi kiện, ông bà yêu cầu ông H, bà N liên đới trách nhiệm trả cho

ông bà số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 20%/năm, tiền lãi chậm trả là 10%/năm tính từ ngày 01/4/2021 đến ngày Tòa án xét xử vụ án; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần là 121.316.000 đồng.

Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 14/6/2024, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu ông H, bà N bồi thường thiệt hại về tinh thần là 121.316.000 đồng; mặc dù số tiền 61.500.000 đồng ông H, bà N đã trả là tiền lãi nhưng nguyên đơn chấp nhận trừ vào nợ gốc và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Yêu cầu ông H, bà N trả nợ gốc là 3.000.000.000 đồng – 61.500.000 đồng = 2.938.500.000 đồng (Hai tỷ chín trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng);

- Trả tiền lãi của khoản nợ gốc 968.500.000 đồng tính từ ngày 09/1/2021 đến ngày Tòa án xét xử vụ án theo mức lãi suất 20%/năm;

- Trả tiền lãi của khoản nợ gốc 1.970.000.000 đồng từ ngày 20/01/2021 đến ngày Tòa án xét xử vụ án theo mức lãi suất 20%/năm;

Trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả lãi trong hạn của khoản nợ gốc 1.970.000.000 đồng theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày 05/5/2022 đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 20/01/2021 đến ngày 04/5/2022 (là ngày nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ, tính tròn là 1 năm 03 tháng = 15 tháng) của khoản nợ gốc 1.970.000.000 đồng là 492.499.000 đồng;

- Tiếp tục trả lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án xét xử vụ án cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất 20%/năm đối với số tiền còn phải thi hành án.

*Bị đơn là bà Huỳnh Thị Ánh N, ông Nguyễn Lâm H:* đã được Tòa án tổng đặt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng phía bị đơn đã không đến Tòa án giải quyết vụ án và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1307/2024/DS-ST ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã:*

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466; Điều 468, khoản 2 Điều 496 của Bộ luật Dân sự 2015; Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án; các điều 5, 6, 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán

Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Huỳnh Văn L và bà Phạm Thị Kim E về việc buộc bà Huỳnh Thị Ánh N, ông Nguyễn Lâm H bồi thường thiệt hại về tinh thần là 121.316.000 đồng (Một trăm hai mươi một triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Huỳnh Văn L và bà Phạm Thị Kim E: Buộc bà Huỳnh Thị Ánh N, ông Nguyễn Lâm H trả cho ông Huỳnh Văn L và bà Phạm Thị Kim E tiền nợ gốc là 2.938.500.000 đồng (hai tỉ chín trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng), tiền lãi tính đến ngày 09/7/2024 là 2.140.449.116 đồng (Hai tỷ một trăm bốn mươi triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn một trăm mười sáu đồng); tổng số tiền là 5.078.949.116 đồng (Năm tỷ không trăm bảy mươi tám triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn một trăm mười sáu đồng) theo giấy biên nhận ngày 09/01/2021 và giấy biên nhận ngày 29/01/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau đó, bị đơn ông Nguyễn Lâm H, bà Huỳnh Thị Ánh N kháng cáo bản án sơ thẩm.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

*\* Bị đơn ông Nguyễn Lâm H, bà Huỳnh Thị Ánh N có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Phạm Thiên P trình bày :*

Bà Phạm Thị Kim E và ông Huỳnh Văn L cho ông Nguyễn Lâm H, bà Huỳnh Thị Ánh N vay số tiền 3.000.000.000 đồng với mức lãi suất 0,15%/ngày, tương đương 54%/năm là đã vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó giao dịch vay tiền này vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật. Giao dịch dân sự vô hiệu nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên từ thời điểm giao dịch được xác lập.

Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ông H, bà N trả lại cho ông L, bà E số tiền đã vay 3.000.000.000 đồng còn ông L, bà E trả lại cho ông H, bà N số tiền lãi đã nhận là 61.500.000 đồng.

*\* Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim E và ông Huỳnh Văn L trình bày:*

Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp kháng cáo của bị đơn.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp,

đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Căn cứ các biên nhận vay tiền và sự thừa nhận của các đương sự, có đủ cơ sở để xác định vào ngày 09/01/2021, ông Nguyễn Lâm H, bà Huỳnh Thị Ánh N đã vay của bà Phạm Thị Kim E, ông Huỳnh Văn L số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 20/01/2021, lãi suất thỏa thuận. Đến ngày 20/01/2021, ông H, bà N tiếp tục vay của ông L, bà E số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, không xác định thời hạn thanh toán. Ông L, bà E đã giao đủ số tiền 3.000.000.000 đồng cho ông H, bà N.

Mặc dù tại hai giấy vay tiền chỉ thể hiện nội dung lãi suất thỏa thuận, nhưng theo bản chi tiết giao dịch tài khoản của bà E, nội dung tin nhắn ngày 14/01/2021, ngày 29/01/2021 giữa ông H và ông L được ghi nhận tại Vi bằng số 121/2024/VB-TPLSG ngày 20/5/2024 do ông L cung cấp cho Tòa án, có đủ cơ sở để xác định các bên đã thỏa thuận mức lãi suất là 0,15%/ngày, tương đương 54%/năm. Theo đó, đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng, ông H, bà N đã trả được 31.500.000 đồng tiền lãi và với khoản vay 2.000.000.000 đồng, ông H, bà N đã trả được 30.000.000 đồng tiền lãi.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “1. *Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực*”.

Ông H, bà N kháng cáo cho rằng do mức lãi suất thỏa thuận đã vi phạm quy định của pháp luật nên giao dịch vay tiền giữa hai bên bị vô hiệu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; ông L, bà E trả lại số tiền lãi đã nhận cho ông H, bà N và ông H, bà N chỉ có trách nhiệm trả nợ gốc mà không phải trả lãi cho ông L, bà E.

Hội đồng xét xử nhận thấy, kháng cáo này của ông H, bà N là không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ, nếu mức lãi suất vay do hai bên thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định thì chỉ có mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực còn mức lãi suất không vượt quá vẫn có hiệu lực, mức lãi suất vay của các bên sẽ được điều chỉnh lại cho đúng quy định mà không phải bị vô hiệu như ông H, bà N trình bày. Việc vay tiền của ông H, bà N là vay có thỏa thuận trả lãi nên ngoài trách nhiệm trả nợ gốc, ông H, bà N còn phải có trách nhiệm trả lãi theo

đúng thỏa thuận. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định mức lãi suất cho vay giữa hai bên là 20%/năm là đúng quy định và phù hợp.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn tự nguyện trừ số tiền lãi mà bị đơn đã trả vào nợ gốc và yêu cầu bị đơn chỉ trả lãi trên nợ gốc (sau khi đã được trừ lãi) theo mức lãi suất 20%/năm kể từ thời điểm vay cho đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án, không yêu cầu áp dụng lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc tự nguyện này của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận là có cơ sở.

[3] Đối với giấy vay tiền ngày 09/01/2021, số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 20/01/2021: đây là khoản vay có thời hạn, có thỏa thuận lãi suất. Bị đơn đã trả được 31.500.000 đồng tiền lãi nên số tiền nợ gốc còn lại là 968.500.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi đối với số nợ gốc 968.500.000 đồng từ ngày 09/01/2021 đến ngày 09/7/2024 là:  $968.500.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 03 \text{ năm } 06 \text{ tháng} = 677.950.000 \text{ đồng}$ .

Việc tính toán trên là có lợi cho bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[4] Đối với giấy vay tiền ngày 20/1/2021, số tiền 2.000.000.000 đồng: đây là khoản vay không có thời hạn, có lãi suất. Bị đơn đã trả được 30.000.000 đồng tiền lãi nên số tiền nợ gốc còn lại là 1.970.000.000 đồng.

Ngày 04/5/2022, nguyên đơn gửi văn bản yêu cầu bị đơn phải trả nợ. Nguyên đơn xác định bị đơn có trách nhiệm trả lãi trong hạn từ ngày 20/01/2021 đến ngày 04/5/2022 (là ngày nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ) là:  $1.970.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 01 \text{ năm } 03 \text{ tháng} = 492.499.000 \text{ đồng}$ .

Từ đó yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi do đã chậm trả lãi trong hạn từ ngày 05/5/2022 đến ngày 09/7/2024 theo mức lãi suất 10%/năm là:  $492.499.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 02 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 106.708.116 \text{ đồng}$ .

Đồng thời, nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn phải trả lãi đối với nợ gốc 1.970.000.000 đồng từ ngày 29/01/2021 đến ngày 09/7/2024 là:  $1.970.000.000 \times 20\%/năm \times 03 \text{ năm } 05 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 1.355.791.000 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là:  $1.355.791.000 \text{ đồng} + 106.708.116 \text{ đồng} = 1.462.499.116 \text{ đồng}$ .

Hội đồng xét xử nhận thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 496 của Bộ luật Dân sự 2015 thì: *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản”*.

Ngày 04/5/2022, nguyên đơn gửi văn bản yêu cầu bị đơn phải trả nợ là thực hiện việc báo trước cho bị đơn theo quy định; không phải cơ sở để xác định từ ngày 20/01/2021 đến ngày 04/5/2022 là thời hạn vay có kỳ hạn và từ ngày 05/5/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là thời gian quá hạn.

Đây là khoản vay có lãi, không có kỳ hạn nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi trong hạn, lãi do chậm trả lãi trong hạn và lãi quá hạn đối với bị đơn là không phù hợp với quy định pháp luật.

Bị đơn chỉ có trách nhiệm trả tiền lãi đối với số nợ gốc 1.970.000.000 đồng, tính từ ngày 20/01/2021 đến ngày 09/7/2024 là:

$1.970.000.000 \times 20\%/năm \times 03 \text{ năm } 05 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 1.366.962.000$  đồng (làm tròn).

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc là 2.938.500.000 đồng và tổng số tiền lãi là 2.044.912.000 đồng.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466; Điều 468, khoản 2 Điều 496 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, 6, 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn L và bà Phạm Thị Kim E về việc buộc bà Huỳnh Thị Ánh N, ông Nguyễn Lâm H bồi thường thiệt hại về tinh thần là 121.316.000 đồng (Một trăm hai mươi một triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn L và bà Phạm Thị Kim E:

Buộc bà Huỳnh Thị Ánh N, ông Nguyễn Lâm H trả cho ông Huỳnh Văn L và bà Phạm Thị Kim E số tiền nợ gốc là 2.938.500.000 đồng (Hai tỷ chín trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền lãi tính đến ngày 09/7/2024 là 2.044.912.000 đồng (Hai tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm mười hai ngàn đồng); tổng số tiền là 4.983.412.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm tám mươi ba triệu bốn trăm mười hai ngàn đồng) theo giấy biên nhận ngày 09/01/2021 và giấy biên nhận ngày 29/01/2021.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 20%/năm.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn L và bà Phạm Thị Kim E về việc buộc bà Huỳnh Thị Ánh N, ông Nguyễn Lâm H phải trả số tiền lãi là 106.708.116 đồng do chậm thực hiện nghĩa vụ trả lãi trong hạn của khoản nợ gốc 1.970.000.000 đồng theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày 05/5/2022 đến ngày 09/7/2024.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Ánh N, ông Nguyễn Lâm H phải chịu án phí là 112.983.500 đồng (Một trăm mười hai triệu chín trăm tám mươi ba ngàn năm trăm đồng), làm tròn.

Nguyên đơn đã được miễn nộp án phí.

Bà Huỳnh Thị Ánh N, ông Nguyễn Lâm H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà N, ông H toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông bà đã nộp theo biên thu tạm ứng án phí số 0028878 và số 0028879 cùng ngày 07/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC  
THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Bùi Thị Kim Dung**